TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ -TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 310 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-10-2018
"V/v Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đức Hiếu
2. Ông Nguyễn Tấn Thức

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Tú Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng*** *tham gia phiên tòa*: Ông Đặng Thái Bình - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42A/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị C, sinh năm: 1973; địa chỉ: tổ 25, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.
2. *Bị đơn*: Ông Phạm Văn Q, sinh năm: 1972; địa chỉ: tổ 31, phường Đ, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Thị C trình bày:*

Bà và ông Phạm Văn Q kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thọ, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Q thường xuyên uống rượu về gây gỗ, kinh tế gia đình khó khăn. Đồng thời, do vợ chồng chậm có con nên gia đình chồng gây áp lực đối với bà. Do không chịu đựng được nên bà C về nhà cha mẹ ruột ở được một thời gian, sau đó vì tình nghĩa vợ chồng nên bà trở về nhà cha mẹ chồng sống được khoảng 1 năm nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng, giữa cha mẹ chồng với con dâu vẫn không cải thiện được nên bà trở về sống nhà cha mẹ ruột từ đó đến

nay. Vợ chồng không sống chung với nhau được khoảng hơn mười năm. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm gì với ông Q, vợ chồng không chung sống được với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn Q.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như nhiều lần triệu tập ông Phạm Văn Q đến Tòa án để hòa giải nhưng ông Q không có mặt nên không có bản tự khai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa*: Đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40; Điều 68; các Điều từ 93 đến 97; Điều 195, Điều 196; Điều 203; các Điều từ 239 đến 243; Điều 246; Điều 247, các điều từ 249 đến 257; Điều 259; Điều 260 và Điều 263 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*:

+ Đối với đương sự là nguyên đơn: Đã tuân thủ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với đương sự là bị đơn: Chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Huỳnh Thị C đối với ông Phạm Văn Q.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị C được ly hôn ông Phạm Văn Q.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có

+ Về án phí: Bà C phải chịu theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng : Bị đơn là ông Phạm Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Phạm Văn Q.

[**2**] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị C và ông Phạm Văn Q kết hôn với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thọ, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng được hơn một năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Qua lời khai của bà C, cũng như qua xác minh tại địa phương thể hiện: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do ông Q thường xuyên uống rượu về

gây gỗ với bà C, kinh tế gia đình khó khăn. Đồng thời, do vợ chồng chậm có con nên gia đình chồng lời ra tiếng vào gây áp lực đối với bà C, ông Q không động viên, chia sẻ mà bỏ mặc bà C. Do không chịu đựng được cuộc sống như vậy nên bà C về sống với cha mẹ ruột tại phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng từ năm 2007 đến nay, ông Q và bà C mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Xét hôn nhân giữa bà C và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Q đến Tòa án để hòa giải nhưng ông Q không đến, cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Q vắng mặt, điều này thể hiện ông Q không có thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình. Do vậy, cho bà C được ly hôn với ông Q là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà C xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Huỳnh Thị C phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí (đã nộp tại biên lai thu số 0000328 ngày 02/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). Như vậy, bà C đã nộp đủ án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Huỳnh Thị Cúc đối với ông Phạm Văn Quyền.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị C được ly hôn ông Phạm Văn Q.

2.Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Huỳnh Thị C phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí (đã nộp tại biên lai thu số 0000328 ngày 02/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). Như vậy, bà C đã nộp đủ án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Bà Huỳnh Thị C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Phạm Văn Q có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- UBND p. Hòa Thọ Đông, q. Cẩm Lệ.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- UBND phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Lệ Hằng

5. Trường hợp bản án, quết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Chị Hằng chú ý tính tiền định giá nhé)

1. Nhà và đất số 142 Hà Huy Giáp, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:

Tiền định giá do Công ty Cổ phần thẩm định giá Việt Tín là 7.480.000đ (bà Đan tạm ứng)

Tiền xem xét 2.000.000 đồng (bà Đan tự nguyện chịu)

2. Toàn bộ vật kiến trúc ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 25, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 75m^2 và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 53,3m; cùng địa chỉ: K36/18 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông Duyên).

Tiền định giá theo giá nhà nước và xem xét là 3.000.000đ (bà Đan nộp có biên lai của Tòa)

3. Công trình xây dựng trên thửa đất (Giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 123, tờ bản đồ số 48, diện tích đất 101,4m^2; địa chỉ: H68/5 K634 Trưng Nữ Vương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng là tài sản riêng của bà Đan).

Tiền định giá do Công ty Cổ phần thẩm định giá BTC Value là 4.00.000đ (ông Duyên tạm ứng)

Tiền xem xét 2.000.000đ (ông Duyên nộp có biên lai của Tòa)

Ly hôn ông Duyên có ý kiến sau: Năm 2006, bà Nguyễn Thị Vân đã chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông với giá là 300.000.000đồng, vợ chồng ông trả dần cho đến tháng 5/2017 mới trả xong hai bên làm thủ tục sang tên trước bạ và được UBND quận Cẩm Lệ cấp giấy CNQSDĐ ngày 31/5/2007.

Ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 142 Hà Huy Giáp, thành phố Đà Nẵng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 123005 do UBND quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp đứng tên ông Nguyễn Văn Duyên và bà Nguyễn Thị Đan (đã được chỉnh lý ngày 13/8/2007). Tuy nhiên, xét thấy công sức đóng góp của ông Duyên vào khối tài sản trên nhiều hơn bà Đan. Điều này được thể hiện ở chỗ: Ông Duyên và bà Đan kết hôn vào ngày 05/9/2005, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà riêng của ông Duyên tại đường Nguyễn Hữu Thọ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, sau khi kết hôn được 01 tháng, lúc này bà Đan đang mang thai, sức khỏe yếu, phải nằm dưỡng thai tại bệnh viện cho đến khi sinh con. Sau khi bà Đan sinh con được 06 tháng, vợ chồng mâu thuẫn bà Đan đem con là cháu Giang về sống nhà riêng của bà Đan tại đường Trưng Nữ Vương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian này, về kinh tế phần ai tự người đó lo. Trong thời gian này, ông Duyên bán quán cháo lòng tại nhà riêng. Tháng 9/2009, bà Đan bị bệnh ung thư vú nên phải đi điều trị tại bệnh viện K Hà Nội đến tháng 10/2010 bà Đan về lại nhà riêng của ông Duyên sống, đến tháng 02/2011 thì xây dựng ngôi nhà tại đường Hà Huy Giáp.

Do công sức đóng góp của ông Duyên nhiều hơn nên HĐXX chia cho ông Thanh 60% giá trị nhà ở và quyền sử dụng đất là: 2.253.357.000đồng x 60% = 1.352.014.200đ chia cho bà Đan 40% giá trị nhà ở và quyền sử dụng đất là: 2.253.357.000đồng x 40% = 901.342.800đ.